

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2014

Câu hỏi:

“Hãy trình bày cảm nhận và ý kiến về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất”.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cái cuộc sống vội vã, ồn ào, xô bồ này, có những phút giây ngòi ngẫm nghĩ lại cuộc sống tự nhiên tôi lại có cái mong ước “Bao giờ cho đến ngày xưa”? Muốn tìm lại sự thanh thản yên bình ngay từ trong tâm khảm. Nhớ thời còn bé tí hay cùng ông nội nghe chiếc radio cũ mèm phải chạy bằng cục biên tiêu. Dù âm thanh không được rõ ràng trong trẻo như những đầu kỹ thuật số bây giờ nhưng có gì đó đọng lại về một miền ký ức xa xăm. Câu hò cứ vang lên:

“Về Đồng Nai hỏi ai còn nhớ

Câu hát thuở xa xưa, ngậm ngùi trước buổi chia tay

Hò ơ, Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về

Về Đồng Nai, cho em theo về Đồng Nai”.

Lúc đó tôi đang là cô bé học lớp 9. Cuộc sống không ngờ cái duyên với công việc, với Đồng Nai tôi đã chọn Đồng Nai làm quê hương thứ hai của mình. Hôm nay cũng ngồi nghe lại câu hò đó nhưng mang một cảm xúc khác ngày xưa. Nói rõ ra là khi tôi trưởng thành hơn, hiểu, cảm nhận về cuộc sống hơn... và trên tay đang cầm Thư mời của Ban Tổ chức hội thi: “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai” rồi bỗng dung trong lòng lại bùng lên nhiệt huyết của tuổi trẻ. Muốn cảm nhận và viết như bày tỏ chính cảm xúc của mình về những con người đã làm rạng danh vùng đất Đồng Nai.

Đã 316 Đồng Nai hình thành và phát triển...!

Lấy mốc kể từ khi khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ

Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn.

Lịch sử 316 năm qua có những tháng thanh bình reo ca, nhưng phần nhiều là chiến tranh máu lửa. Nhiều thế hệ người Đồng Nai đã chiến đấu hy sinh, góp một phần tài năng, trí tuệ, xương máu và mồ hôi cho sự phồn thịnh, vững bền của miền đất yêu dấu. Trong đó có những con người tiêu biểu có những đóng góp xuất sắc trên nhiều lĩnh vực được nhân dân mãi truyền tụng, ghi ơn. Họ gồm những người sinh ra trên đất Đồng Nai và có những người không sinh ra trên đất Đồng Nai nhưng có những công hiến to lớn đối với vùng đất này. Nhân dân Đồng Nai nhận về mình những con người ưu tú ấy và họ đã trở thành Người Đồng Nai, thành những tinh hoa kết tụ của đất Đồng Nai.

Tôi xin một lần nữa ghi lại câu ca dao xưa:

“Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...”

Vâng! Người Đồng Nai và cá nhân tôi viết bài này sẽ thật vui nếu bất cứ lúc nào đó...có ai về Đồng Nai....?

Bài viết này của tôi không nhằm mục đích “rủ” ai đó về Đồng Nai để lập nghiệp mà được viết ra như một lời giới thiệu, một tâm sự với những ai có dịp đến Đồng Nai du lịch hay làm việc ngắn hạn để cùng tôi tìm hiểu về nhân vật lịch sử - Người phụ nữ đã làm rạng danh vùng đất Đồng Nai - liệt phu Nguyễn Thị Tồn.

*

*

*

Cổ nhân từng nói, cuộc đời chỉ cần một người khiến ta ngưỡng mộ, để cả đời noi gương, cả đời thương mến. Tôi được sinh sống và làm việc ở Đồng Nai, có dịp được tìm hiểu về những danh nhân của đất Đồng Nai, người để lại cho tôi nhiều suy nghĩ đó là liệt phu Nguyễn Thị Tồn. Tôi thấy phảng phất đâu đó dáng dấp, hình ảnh của những người phụ nữ Việt Nam - những người bà, người mẹ hết lòng vì chồng con. Tôi cũng là phận gái, tôi ngưỡng mộ bà, có những điểm mà thế hệ trẻ

ngày nay chúng tôi đáng phải học tập. Ở bà toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam: Trung hậu, đảm đang và để lại những giá trị nhân văn cao cả. Và thế là cầm chiếc ba lô, theo Quốc lộ 1K (qua cầu Ghềnh và cầu Rạch Cát) đến ngã tư chợ Đồn, rẽ trái theo Tỉnh lộ 16 khoảng 100m, rẽ trái vào con đường đất ấp Tân Mỹ, men theo con đường ven bờ sông về hướng Nam khoảng 500m đến địa điểm ngôi nhà thờ Bà.

I. VÀI NÉT VỀ NƠI LỚN LÊN CỦA BÀ NGUYỄN THỊ TÒN

Theo bài vị hiện được thờ tại nhà ông Nguyễn Trí Lợi (thế hệ thứ sáu), ông Nguyễn Lý (1793 - 1863) và bà Huỳnh Thị Đáp (1794 - 1864), phụ mẫu của bà Nguyễn Thị Tồn và tài liệu về nguồn gốc đất hiện còn lưu giữ tại nhà ông Nguyễn Trí Huân (anh em chú bác với ông Nguyễn Trí Lợi) thì Ông Nguyễn Lý có mua một miếng đất trồng dâu, cặp theo bờ hữu ngạn sông Đồng Nai, thuộc địa phận xã Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa), phía Đông giáp sông lớn (hay sông Đồng Nai), phía Tây giáp đường lộ nhỏ, phía Nam giáp sông nhỏ (hay rạch Thủ Huồng), phía Bắc giáp đất Danh Hóa, của vợ chồng ông Danh - Thành và con ruột là Danh Thị, để lập vườn và dựng nhà ở (diện tích khu đất là bao nhiêu không thấy ghi trong giấy bán đất). Ngôi nhà của ông Nguyễn Lý chính là nơi bà Tồn được sinh ra và lớn lên trước kia được xây dựng kiểu thức ra sao, ở vị trí nào hiện nay không ai rõ, chỉ biết rằng nó được xây dựng trên khu đất ông đã mua của vợ chồng ông Danh - Thành. Trải qua thời gian một phần đất ven bờ sông Đồng Nai bị sạt lở. Theo lời của ông Nguyễn Trí Dạng (thế hệ thứ sáu của ông Nguyễn Lý) kể lại vào đời ông Nguyễn Trí Tánh cháu nội ông Nguyễn Lý thì khu đất được chia thành hai phần cho hai người con trai là Nguyễn Trí Hiển và Nguyễn Trí Chương. Phần đất của ông Nguyễn Trí Chương được giới hạn từ nhà ông Nguyễn Trí Lợi hiện nay đến bờ rạch Thủ Huồng diện tích khoảng 1300m² (hiện tại thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Trí Huân cháu đời thứ sáu của ông Nguyễn Lý), phần đất của ông Nguyễn Trí Hiển bao gồm toàn bộ đất của ông Nguyễn Trí Lợi và đất của ông Nguyễn Trí Thiết hiện nay diện tích khoảng

1400m². Ngôi nhà của ông Nguyễn Trí Hiên - thế hệ thứ ba để lại là ngôi nhà ở vị trí trung tâm khu đất giữa nhà ông Nguyễn Trí Lợi và ông Nguyễn Trí Thiết hiện nay xây dựng theo kiểu ba gian hai chái, mái lợp ngói âm dương, cột, vì kèo bằng gỗ, vách ván, nền đồ sạn, diện tích khoảng 240m²; nội thất trang trí hoành phi, liễn đối và có đặt bàn thờ tổ tiên rất trang trọng. Trải qua thời gian quá lâu, cùng những biến đổi khắt nghiệt của thời tiết, ngôi nhà xưa xuống cấp và bị sập (không rõ năm). Theo suy đoán thì có lẽ đây là ngôi nhà của ông Nguyễn Lý và là nơi bà Tồn sinh ra và lớn lên. Sau này khi con cháu lớn lên lập gia đình, khu đất được chia thành nhiều mảnh nhỏ và mỗi gia đình tự xây cất nhà cho riêng mình. Ngôi nhà thờ trước đây không còn nữa, các di vật gắn với con người và cuộc đời bà Tồn cũng theo đó mà mất đi.

II. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ BÀ NGUYỄN THỊ TỒN

Bà Nguyễn Thị Tồn còn có tên là Diệu¹ sinh và mất năm nào không rõ. Theo bài vị thờ bà Nguyễn Thị Tồn ở chùa Nam Nhã (Bình Thủy - Thành phố Cần Thơ) và theo ông Bùi Hữu Giáp trong tạp chí Phổ Thông, số 114, ra ngày 1/11/1963 thì bà Tồn mất nhằm ngày 24 tháng 11 khuyết năm. Bà là người làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa (nay là ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), là Trưởng nữ của Bạch đàm hộ trưởng Nguyễn Lý và bà Huỳnh Thị Đáp, là Chánh thất của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

Thân phụ bà Tồn là ông Nguyễn Văn Lý làm quan chuyên coi về thuế, giữ chức “Bạch đàm hộ trưởng”² xã Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa. Theo bài vị do cháu nối dõi là Văn Tánh phụng thờ (hiện lưu giữ tại nhà ông Nguyễn Trí Lợi) thì Ông Nguyễn Lý (1793 - 1863) nguyên là Trưởng Hộ Cửu Đàm sanh năm Quý Sửu, tháng Mùi, ngày Thìn; mất năm Quý Hợi, mồng 4 tháng 4, giờ Sửu hưởng linh 71 tuổi; Bà Hoàng Thị Đáp (1794 - 1864)

¹ Trục Trần (1943), *Tiểu sử cụ Thủ khoa Nghĩa*, Tạp chí Tri Tân, số 98, tr 462.

² “Bạch đàm hộ trưởng”: Bấy giờ ở Biên Hoà có tục thu đê m trắng (đê m bằng lá Buông) thay vì tiền thuế nên có tên là Bạch đàm hộ trưởng để chỉ vị hộ trưởng coi về thuế má. Theo Trục trần (1943), *Tiểu sử cụ Thủ khoa Nghĩa*, Tạp chí Tri Tân, số 98, tr 463.

nguyên là chánh thất của ông Hương chủ xã Mỹ Khánh, sanh năm Giáp Dần, ngày tháng Mùi, mất giờ Mùi ngày mùng sáu tháng giêng năm Kỷ Ty. Dòng họ Nguyễn vốn là dòng tộc nổi tiếng và có uy tín trong làng Mỹ Khánh lúc bấy giờ, con cháu được học hành tới nơi tới chốn, có người làm quan cũng có người dạy học. Sinh thời ông Nguyễn Lý là người có uy tín trong làng, trọng người hiền tài, thường giúp đỡ những người học giỏi có hoàn cảnh khó khăn học đến nơi đến chốn. Nhiều người sau đó đã thành danh, trong đó nổi bật nhất là nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa.

Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872) còn có tên là Quang Nghĩa hiệu là Chi Nghi, sinh ở thôn Long Tuyên, tổng Định Thới, trấn Vĩnh Thanh (nay là thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ), trong một gia đình ngư phủ. Những năm lên Biên Hòa theo đòi nghiên bút, ông thọ giáo với thầy Đỗ Hoàn tại làng Mỹ Khánh và ở trọ nhà ông Nguyễn Lý (thân phụ của bà Nguyễn Thị Tồn) được gia đình rất mực yêu quý. Vốn thông minh, lanh lợi qua nhiều năm miệt mài đèn sách; tháng hai năm Ất Mão (1835), ông dự kỳ thi Hương ở Gia Định và đậu giải Nguyên³. Mến tài Bùi Hữu Nghĩa, sau bữa tiệc linh đình khoản đãi vị tân khoa, Hộ trưởng Nguyễn Lý ngó ý muốn chọn ông làm nghĩa tế, hầu mưu cầu hạnh phúc cho đôi tai tài gái sắc. Duyên tình giữa bà Tồn và vị Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được định đoạt từ đây. Cảm kích lòng ưu ái của ông Hộ trưởng và thâm tình của người con gái làng Mỹ Khánh, Bùi Hữu Nghĩa hẹn đến ngày công thành danh toại sẽ làm lễ rước dâu.

Sau kỳ thi Hương ở Gia Định, Bùi Hữu Nghĩa ra Huế dự thi Hội nhưng không đỗ. Tuy nhiên ông vẫn được Triều Đình bổ vào tập sự ở bộ Lễ chờ kỳ thuyên bổ. Thời gian sau, ông được bổ nhiệm chức Tri Huyện phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Sau khi nhậm chức, ông trở về quê cũ và nhờ người chị là bà Hai Thừa mang lễ vật lên Biên Hòa hỏi cô con gái lớn (tức bà Nguyễn Thị Tồn) của ông Hộ trưởng Nguyễn Lý làm Chánh thất, ít lâu sau hôn lễ được cử hành⁴. Khoảng thời gian Bùi Hữu Nghĩa làm Tri Huyện tại phủ Phước Long là khoảng thời gian hạnh phúc nhất

³ Cao Xuân Dục (1993), *Quốc Triều Hương Khoa Lục*, Nguyễn Thuý Nga – Nguyễn Thị Lam dịch, Nxb Tp Hồ chí Minh, tr 186.

⁴ Tuyết Hồng (1995), *Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tồn*, Người Đồng Nai, Nxb Đồng Nai, tr 48.

của ông và vợ là Nguyễn Thị Tồn. Họ sống bên nhau đầm ấm, vui vẻ.

Làm việc ở Biên Hòa một thời gian, Triều đình có lệnh chuyển Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đi nhậm chức Tri Huyện phủ Trà Vinh, tỉnh Long Hồ (nay là huyện trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long). Vốn tính cương trực, ngay thẳng; khi đang tại chức, Bùi Hữu Nghĩa không hề phục tùng bọn tham quan, vì thế ông là cái gai trong mắt họ. Nhân sự kiện vụ Láng Thέ, chúng qui tội giết người do ông xúi giục, bắt giam ông ở Vĩnh Long giải về Gia Định lên án tử hình dưng sớ về Triều Đình chờ phê chuẩn. Sự kiện Láng Thέ như sau:

Thời kỳ Nguyễn Ánh bị Tây Sơn truy đuổi, lương thực nhiều lần bị thiếu hụt. Lúc bấy giờ ở Trà Vang có một số thổ dân quyên giúp lương thực rất nhiều, lại thêm một số lớn đã tình nguyện tòng quân theo giúp Nguyễn Ánh để đánh lại Tây Sơn. Năm 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, nhớ ơn xưa bèn xuống chiếu miễn thuế vĩnh viễn cho thổ dân để họ tự do khai thác nguồn thủy lợi nơi rạch Láng Thέ. Được một thời gian có tên khách trú vận động lo lót với viên Tổng đốc Trương Văn Uyển và Bố Chánh Truyện là quan tỉnh Vĩnh Long để mua được thủy lợi Láng Thέ. Thấy sự trái phép, Mệ Sóc và các Hương mục Thổ kéo nhau đến dinh môn Tri phủ Bùi Hữu Nghĩa để thưa kiện, Bùi Hữu Nghĩa xử rằng: “Việc tha thuế thủy lợi rạch Láng Thέ là ơn huệ của vua Thế Tổ ban cho dân Thổ, nay ai nhỏ hơn vua Thế Tổ mà đứng bán rạch ấy thì có chém đứt đầu nó cũng không sao!”. Dân Cao Miên được lời xử ấy mừng rỡ, bèn phá đập bửu rọ của tên khách trú kia. Hai bên chẳng chịu nhường nhau nên xảy ra cuộc huyết chiến, rốt cuộc có tám tên khách trú bị giết chết. Sau đó nhiều Thổ dân bị bắt. Tổng đốc và Bố chánh Vĩnh Long bắt luôn Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa giải về Gia Định, rồi đệ sớ về Triều, cáo quan huyện về tội giết người.⁵

Trước biến cố khôn lường và nổi uất ức ấy, để cứu chồng, bà Nguyễn Thị Tồn đã làm một việc lưu danh trong sử sách: Một mình lặn lội ra tận Đé đô minh oan cho chồng là Bùi Hữu Nghĩa.

⁵ Tân Việt Điều (1961), *Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa*, Văn hoá nguyệt san, số 58, tr 22.

Để có đủ thời gian ra Huế minh oan cho chồng, bà đã nhờ người thân tín đánh cắp và giấu đi tờ Chiếu của Triều đình gửi vào Gia Định kết tội Bùi Hữu Nghĩa⁶. Thu xếp xong công việc, bà sắp xếp hành trang lên đường. Từ Long Hồ (Vĩnh Long), bà đi thẳng qua Định Tường (Mỹ Tho) rồi quá giang ghe bầu ra Kinh đô. Ở Đé đô, bà không quen biết ai nên tìm đến tư dinh của Lại bộ Thượng thư Phan Thanh Giản, trình bày sự việc và nhờ ông giúp đỡ. Cụ Phan thương người đồng hương và luôn bên vực ủng hộ cho lẽ phải nên tận tình giúp đỡ. Cụ cho bà ở tạm trong Dinh viết dùm tờ trạng tỏ rõ nỗi oan lên nhà vua để bà học thuộc lòng; đồng thời chỉ bảo đường đi, nước bước, dạy cả nghi lễ triều đình khi vua lâm triều. Bà Tồn hồi hộp, lo lắng thức trắng đêm, đợi cho gà gáy đầu canh năm, liền đến Tam Pháp Ty, đem theo khúc cây thay cho dùi trống, tới trước sân châu mạnh dạn khua ba hồi làm kinh động cả Tam Cung Lục Viện. Ngự lâm quân canh gác hốt hoảng chạy đến, các quan cũng lập tức vào Triều. Quân lính đến kéo tay, bà lôi ra và khẳng khái nói tôi là phụ nữ đã có chồng, nếu các quan nín kéo nữa sẽ tự tử chết tại đây. Quân lính bèn lấy dây lụa choàng ngang lưng dẫn bà vào Triều kiến vua. Nghe trống đánh loạn, vua Tự Đức lập tức lâm Triều. Ông quan trực liền đem dâng cho vua tờ cáo trạng của bà Nguyễn thị Tồn. Nhà vua xem qua biết là chuyện lớn, liền hội đình thần để nghe bà Nguyễn Thị Tồn biện bạch nỗi oan ức của chồng.

Bà vào quỳ gối, đầu đội trạng bạch (tờ sớ không viết chữ tỏ rõ người bị hàm oan, muốn gặp trực tiếp để kêu oan, đó là luật hồi đó) và xin được đọc thuộc lòng lời minh oan. Bà đọc từ chập theo nghi lễ triều đình. Khi tấu nhạc và hành lễ, bà ngưng đọc khóc rất thảm thiết. Nhạc dứt, bà lại đọc. Vua quan nghe thấy đều động lòng thương. Nhờ tài ăn nói, sự tận tâm, bà đã cảm hóa được cả triều đình Huế. Cảm kích trước lòng trung trinh, tiết liệt của bà Nguyễn thị Tồn và tính cương trực của ông Bùi Hữu Nghĩa, vua Tự Đức phán ngưng tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa, giao cho Toà Tam pháp thẩm định lại. Trắng đen đã rõ, Bùi Hữu Nghĩa đã được minh oan. Vua xuống chiếu xóa tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa, nhưng phải “quân

⁶ Trục Trần (1943), *Tiểu sử cụ Thủ khoa Nghĩa*, Tạp chí Tri Tân, số 98, tr 489.

tiền hiệu lực, đái công chuộc tội” (tức phải ra trận, đánh giặc chịu tội) và gửi chiếu cấp tước vào Gia Định tha tội chết cho ông. Vua khen bà là người tiết phụ, ban cho cái võng điều có bốn lông, nhưng nơi đầu võng có mang một cái gông đỏ son son, tượng trưng bà là người có tội làm kinh động triều đình. Hoàng thái hậu Từ Dũ (mẹ vua Tự Đức) cho gọi bà vào cung để Hoàng hậu, cung phi xem mặt người đã dám muôn dãm vì chồng mà xả thân. Bà Từ Dũ tỏ lòng khen ngợi và ban cho tấm biển có chạm bốn chữ vàng “Liệt Phụ Khả Gia”.⁷

Câu chuyện về người phụ nữ xứ Đồng Nai minh oan cho chồng khỏi tội tử hình loan truyền nhanh chóng, khắp Đê đô đều biết. Các mệnh phụ phu nhân mời bà đến chuyện văn, tiện thể biết mặt cho thỏa nỗi tò mò. Cứu được chồng, sau khi lưu lại kinh thành một tháng, bà Nguyễn Thị Tồn lại quá giang ghe bầu trở lại quê nhà. Ngày về đến quê hương Biên Hòa, tương truyền rằng bà được quan Tỉnh ra tiếp đón long trọng.⁸

Vợ chồng trùng phùng, Bùi Hữu Nghĩa vâng mệnh đi trấn đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc). Vì sự đời thay đổi không như ý muốn, bà Tồn đành xa chồng về sống ở quê nhà cho đến khi lâm bệnh và mất tại đây. Bà tạ thế nhằm ngày 24 tháng 11, thi hài bà được quàn lại cho đến khi Bùi Hữu Nghĩa về đọc bài văn tế thống thiết rồi mới an táng tại làng Tân Hiệp, tổng Chánh Mỹ Thượng.⁹

⁷ Tân Việt Điều (1960), *Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa*, Văn hóa nguyệt san, số 58, tr 24.

⁸ Bùi Hữu Giáp, *Bùi Hữu Nghĩa*, Tạp chí Phổ Thông, số 114, tr 69.

⁹ Xung quanh cái chết của bà Nguyễn Thị Tồn hiện nay vẫn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau Có người nói: “khi bà Tồn ra Huế minh oan cho ông Thủ khoa Nghĩa, bà quá giang ghe bầu, bị người lái ghe là Ba Nài làm bức. Vì vậy, khi đi minh oan ở tòa Tam Pháp về được ít lâu, bà tự ái chết. Và cũng vì lẽ đó, sau này hễ ai hiệp đáp đàn bà, con gái, người ta đều gọi là Ba Nài”.

Theo ông Huệ Tâm tác giả bài “Thủ khoa Nghĩa khóc vợ”, đăng ở báo Đuốc nhà Nam, số 11, ra ngày 13/12/1935 nói “nhờ bà ra tận đê đô minh oan cho chồng, nhờ vậy mà ông Bùi Hữu Nghĩa mới được tha về. Thờ ải, đường đi trong Nam ra tới ngoài miền Trung lấy làm gầy go hiểm trở, vì thế bà phải quá giang ghe bầu một người bạn của chồng làm quan trong Nam có việc về kinh. Giữa đường ông bạn trở lòng làm bức. Bà hết sức van xin với ông để được trọn tiết nghĩa. Nhưng lạ gì dịp may hiếm có của con người lợi dụng. Bà hết sức đau lòng muốn chết quách cho xong, nhưng nghĩ lại thương chồng còn ở chốn ngục hình, lao khổ. Bà nghĩ thế nên không đành lòng tự tử, ra tận triều đình minh oan cho chồng khỏi vòng lao lý. Khi chồng khỏi tội, về tới nhà, bà nghĩ hổ mình, ra sau vườn treo mình tự ái”.

Nhưng theo ông Nguyễn Văn nghĩa, trong tác phẩm “Lịch sử văn chương cụ Thủ khoa và con là Bùi Hữu Tú”, xuất bản 1936 thì hai câu đối khóc vợ của cụ Thủ khoa làm khi bà Nguyễn Thị Tồn mất cho thấy bà Tồn chết vì bệnh, chứ không phải tự tử. Có tài liệu cho rằng, thi hài bà Tồn được chôn ở thôn Tân Vạn, tổng Chánh Mỹ Thượng. Việc truy tìm mộ phần của bà Nguyễn Thị Tồn, cho đến nay, người ta vẫn chưa tìm ra, dù trước đó, có các học giả: Nguyễn Văn Nghĩa, Đào Văn Hội, Bảo Định Giang, Huỳnh Ngọc Trảng... có dày công đi tìm, nhưng vẫn không có kết quả gì khả quan. Theo ông Huỳnh Văn Sao cháu nhiều đời của bà Huỳnh Thị Đáp, hồi nhỏ ông có nghe ông nội kể lại rằng bà Tồn sau khi minh oan cho chồng trở về bằng đường bộ, dọc đường bị bọn gian thần theo ám hại, bà chết dọc

Không sống với nhau đến ngày răng long đầu bạc như lời chúc tụng của bao người trong lễ hợp hôn; bỗng chốc kẻ dương gian, người âm cảnh nhưng bóng hình người vợ yêu dấu luôn in đậm trong tâm khảm nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa. Ông bộc lộ tình yêu thương vợ thấm thiết, nỗi ray rứt bản thân qua những áng thơ khiến người đọc không khỏi xúc động bồi ngùi.

Đau lòng thương cảm người vợ trọn tình, vẹn nghĩa, ông viết đôi liên thơ bà rất lâm ly, thông thiết:

“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu: triều quân đều khen mình đáng vợ.

Mình đau tớ chẳng nuôi, mình mất tớ chẳng táng, giang sơn thẹn mặt tớ làm chồng.”¹⁰

Trong bài văn tế đọc trước mộ vợ, ông khóc bà bằng lời văn tha thiết, mặn nồng, ý sâu thấm mênh mông:

“...Cây dương liễu là tên ly biệt, trời dành cho em những điều tài sắc, mà mong sửa cuộc đoàn viên;

Huê phù dung là giống đoan trang, trời sắm cho em những miếng thanh danh, mà nữ nào báo nên phước lý.

Anh để nàng chẳng bằng tiền bằng của mà bằng cái tư lờng;

Anh giết nàng chẳng bằng guơm bằng dao mà bằng cái khổ lự.

Ôi!

Guơm ân ái không mài mà lem lẽm, người ta mặn nồng chồng vợ, bao đành dứt mối tình duyên;

Ngựa quan âm không dậm bống đùng đùng, người ta mắc cuộc tai nạn, bao nở dứt đường sinh tử.

đường, không tìm thấy xác. Theo ông Nguyễn Trí Dạng và ông Nguyễn Trí Lợi cháu nhiều đời của bà Tôn, khi còn bé đi tảo mộ cùng những người lớn trong gia đình có c
hi mộ của bà Tôn nằm gần mộ của ông Nguyễn Lý chôn ở Đốc Núi, phường Bửu Hòa, Tp Biên Hòa, sau khi xây dựng trường Trần Văn Ôn, gia đình ông bốc mộ bà Tôn về phường Tân Vạn, Tp Biên Hòa.

¹⁰ Tân Việt Điều (1960), *Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa*, Văn hóa nguyệt san, số 58, tr 34.

*Phụng lia đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giếng mối, khi túng thiếu manh
quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ;*

*Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thêm miếng bánh
đồng hàng, biết theo ai mà thỏ thẻ...”¹¹*

Bùi Hữu Nghĩa còn khóc vợ bằng hai câu đối, lời lẽ thật nồng nàn, nhưng vô cùng nghẹn ngào chua xót:

*“Đất chẳng phải chồng, sao nữ thịt xương hòa với đất;
Trời không chết vợ, đừng coi gan ruột thử cho trời”¹²*

Bà Tồn mất được ba năm, nhân dịp về thăm nhà, Bùi Hữu Nghĩa làm một bài thơ khóc vợ để nơi nhà mộ:

*“Đã chẳng ba năm mới động thăm
Màn loan đâu vắng bật hơi tằm
Gió đưa đâu thấy hình dương liễu
Đêm vắng ai hoài tiếng sắc cầm
Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối
Con thương mẹ lụy ngọc tuôn dầm
Có linh chín suối đừng xao lãng
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tằm.”*

III. CẢM NHẬN VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ “LIỆT PHỤ KHẢ GIA” LÀM RẠNG DANH VÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI ĐÃ ĐỂ LẠI NHỮNG GIÁ TRỊ SÂU SẮC

1. Hình ảnh bà Nguyễn Thị Tồn đã để lại giá trị văn hóa

Bà tồn qua đời đã để lại lòng tiếc thương vô hạn đối với gia đình, họ hàng và những người quen biết. Sự ra đi đột ngột của bà là nỗi đau tuột cùng mà Bùi Hữu Nghĩa phải gánh chịu, là mất mát lớn không thể bù đắp đối với ông. Khi sống không được bao năm gần gũi, phút lâm chung chẳng nhìn được mặt nhau lần cuối, thử hỏi có niềm đau xót nào hơn? Đối với Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, bà Tồn không

¹¹ Tân Việt Điều (1960), *Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa*, Văn hóa nguyệt san, số 58, tr 24.

¹² Tân Việt Điều (1960), *Theo dấu Bùi Hữu Nghĩa*, Văn hóa nguyệt san, số 58, tr 35.

chỉ là người vợ đức hạnh, luôn luôn làm tròn đạo nghĩa vợ chồng, mà còn là vị ân nhân đã cứu ông thoát khỏi án xử tử hình của triều đình. Thân gái dặm trường vì sinh mệnh của chồng, trong lịch sử có mấy ai hành động được như liệt phụ Nguyễn Thị Tồn.

Không cùng sống với nhau đến ngày răng long đầu bạc như lời chúc tụng của bao người trong lễ hợp hôn. Kẻ dương gian, người âm cảnh nhưng bóng hình bà luôn in đậm vào tâm khảm nhà thơ. Ông bộc lộ tình yêu thương vợ thấm thiết, nỗi day rút bản than qua những áng thơ văn trác tuyệt đi vào văn học sử, ngày nay khi đọc lại vẫn cảm thấy xúc động bồi ngùi.

Đau lòng thương cảm người vợ trọn tình vẹn nghĩa ông đã viết đôi liễn thờ bà rất lâm ly, thống thiết, tự trách mình, đề cao tiết hạnh vợ.

“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình kêu: Triều quân đều khen mình đáng vợ.

Mình đau tớ chẳng nuôi, mình mất tớ chẳng táng, giang sơn thẹn mặt tớ làm chồng”.

Trong bài văn tế đọc trước thi hài hiền phu, ông khóc bà bằng lời văn trác lạc, ý sâu thấm mênh mông:

“...cây dương liễu là tên ly biệt, trời dành cho em những điều tài sắc, mà mong sửa cuộc đoàn viên;

Huê phù dung là giống đoạn tràng, trời sắm cho em những miếng thanh danh, mà nữ nào bán nền phước lý;

Anh để nàng chẳng bằng tiền bằng của mà bằng cái tư lường;

Anh giết nàng chẳng bằng gươm bằng đao mà bằng cái khổ lụy;

Ôi!

Gươm ân ái không mài mà lem lẽm, người ta mượn nòng chồng vợ, bao đành dứt mối tình duyên;

Ngựa quan âm không dặm bỗng đùng đùng, người ta mắc cuộc tai nạn, bao nữ dứt đường sinh tử.

Phụng lìa đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giếng mối, khi túng thiếu manh

quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ;

Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thềm miếng bánh đồng hàng, biết theo ai mà thỏ thẻ...”.

Nơi nhà mộ của bà, ông còn làm bài thơ, ý tứ và lời lẽ mặn nồng, da diết, người ngoài cuộc không khỏi ngậm ngùi:

“Đã chẵn ba năm mới đặng thăm
Màn loan đâu thắm bật hơi tằm
Gió đưa đâu thấy hình dương liễu
Đêm vắng ai hoài tiếng sắc cầm
Chồng nhớ vợ long tơ bối rối
Con thương mẹ lụy ngọc tuôn dầm
Có linh chín suối đừng sao lãng
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tằm”.

Lòng trung trinh tiết liệt của bà Tồn đã có ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp văn chương của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa. Chính cảm xúc từ người vợ trung trinh ông đã lấy cảm xúc sáng tác những áng văn, thơ bất hủ có giá trị văn hóa cao. Trong tác phẩm “Kim thạch kỳ duyên” - một tác phẩm mà ông ký thác nhiều tâm sự. Vị thủ khoa đã dựng lên hình tượng nhân vật Thạch Vô Hà - một phụ nữ vẹn tròn tài đức. Hẳn đây là hiện thân của bà Nguyễn Thị Tồn, người đã vượt Nam Hải về tận cố đô minh oan cho chồng. Cũng qua đó, ông diễn tả tấm lòng thiết tha, trù mến đối với vị hiền thê đã cứu mình để cùng lưu danh trong sử sách.

Với Bùi Hữu Nghĩa, từ sau vụ Láng Thέ, một bước ngoặc lớn mở ra trong cuộc đời ông. Việc bà Tồn qua đời sau những tháng ngày vất vả dậm trường cứu chồng – là nỗi đau đớn, nỗi hận lớn đối với nhà thơ.

Bất bình trước thế thái nhân tình, sau khi bị quân Cao Miên bắt lúc đang trấn nhậm đồn Vĩnh Thông và được vua quan nước này mến mộ tài đức tha cho về. Bùi Hữu Nghĩa xin từ quan, trở về quê ở Bình Thủy mở trường dạy học và lấy bút hiệu là Liễu Lâm tiên sinh. Ngày ngày vừa bốc thuốc vừa dạy học để sinh sống. Thời kỳ

này ông cũng sáng tác nhiều bài thơ đường, viết bài Văn tế con gái và sáng tác tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên có giá trị văn chương cao, được đời truyền tụng.

2. Hình ảnh bà Tôn đã cho tôi cảm nhận nét đẹp của người phụ nữ Nam Bộ nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.

Hành động sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ hy sinh để cứu chồng khỏi tội chết của bà Tôn. Bà đã trước vì chồng, sau vì dân vùng Láng Thế mà không quản hiểm nguy, trải bao khó nhọc để đến kinh đô làm một việc tày đình mà trước đó không người phụ nữ nào dám làm. Sức mạnh nào đã tiếp cho bà lòng can đảm để làm cái việc liều lĩnh đó? Đó chính là vì lòng yêu chồng tha thiết. Một lòng yêu thấm đầy hy sinh. Thứ tình yêu nồng đượm đến mức hoàn toàn quên mình mà có lẽ chỉ có người phụ nữ Việt Nam mới có. Bởi vì người phụ nữ Việt Nam ngàn đời chịu thương chịu khó, vốn đã thành nếp nghĩ suy - dành tất cả cho chồng con, coi mình không đáng kể. Họ vốn đã luôn quên mình trong ngày thường, nên sẵn lòng hy sinh trong hiểm nguy mà không ngần ngại, không toan tính thiệt hơn “Muôn dặm vì chồng”.

Người phụ nữ Nam Bộ nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung từ xưa đã hấp thụ lễ giáo phong kiến. Với quan niệm “Tam tòng Tứ đức”, người phụ nữ sống an phận thủ thường, việc tề gia nội trợ, thờ chồng, nuôi con. Họ sống một cách thụ động, khép kín trong khuôn khổ gia đình, ít khi biết đến việc quốc gia đại sự. Ý niệm về tình yêu một cách sâu kín trong tâm hồn họ và trên tất cả, họ chấp nhận mọi hy sinh, gian khổ để cho chồng sung sướng. Bà Nguyễn Thị Tôn cũng không đi ra ngoài thông lệ đó. Tuy xuất thân từ gia đình nông dân nhưng bà không nhàn tản mãi vui với cảnh:

“Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa”.

Là con gái một một viên hộ trưởng giàu có và danh vọng ở nông thôn, đến khi về làm vợ cho một vị quan Tri Phủ Trà Vang (Vĩnh Long), với nếp nhà gia giáo, bà đã xử thế theo cung cách một mạng phụ phu nhân để bảo vệ uy tín và phương danh

của chồng ở nơi ly sở trấn nhậm.

Hơn ai hết, bà là người hiểu rõ mọi tâm tư, tình cảm của người bạn đời. Nhưng nổi bật vẫn là sự thể hiện tích cực tình yêu qua hành động gan dạ của bà.

Bà Nguyễn Thị Tồn không khoanh tay ngồi đợi sự an bài của định mệnh. Với tình yêu sâu sắc, tính khôn ngoan, thái độ trầm tĩnh sáng suốt đã đưa bà đến một hành động dứt khoát: Cứu nguy cho chồng. Hành động đánh trống minh oan cho chồng phản ánh một tình yêu rất mực nồng nàn của Bà đối với chồng, tình yêu giống như một thứ “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, vượt qua ngoài tầm giải quyết của một người phụ nữ bình thường, một trường hợp ngoại lệ đặc biệt.

Vì có một tình yêu cao cả, cả một kế hoạch cứu chồng được bà phác thảo tỉ mỉ và có hệ thống, có sự tính toán và cân nhắc thận trọng. Khác xa với một tình yêu mù quáng của nữ nhi thường tình:

“Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Ngũ lục sông cũng lội, thất bát đèo cũng qua”.

Cũng không giống với thái độ cầu an của nàng Tô Huệ đời Tấn chỉ nghĩ đến hạnh phúc riêng tư bằng cách dâng lên vua “Chúc cảm hồi văn” để xin vua cho chồng là Đậu Thao trở về đoàn tụ với mình.

Xuất phát từ trong hoàn cảnh kinh tế xã hội đặc biệt, người phụ nữ Nam Bộ thật thà, trung hậu, không kiêu cách trong nếp nghĩ và lối sống, có những thoát ly nhất định khỏi những ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến. Họ làm việc cật lực, tâm hồn thoải mái, rất mực yêu thương cha mẹ, chồng con, anh em, bè bạn, rất mực thủy chung, hào hiệp nghĩa nhân, kiên cường bất khuất. Tất cả những nét đẹp truyền thống đó đã thể hiện một cách sống động và đầy đủ qua lòng chung thủy, kiên trinh của bà Nguyễn Thị Tồn.

3. Cảm phục về những người phụ nữ Việt Nam hết lòng vì chồng. Ở đâu đó trong xã hội ngày nay ta bắt gặp như hai số phận của một cuộc đời.

Từ hình ảnh của bà Tồn minh oan cho chồng ở thế kỷ XIX, trong lòng tôi lại chợt liên tưởng đến hình ảnh của bà Nguyễn Thị Chiến - người phụ nữ sống tại xã

Nghĩa Trung, Việt Yên, Bắc Giang đã kiên trì 10 năm đơn đi kêu oan cho chồng thì chúng tôi không còn lời nào để bày tỏ lòng khâm phục. Không chỉ đi kêu oan, chị còn âm thầm điều tra, thu thập chứng cứ chứng minh sự vô tội của chồng để cung cấp cho cơ quan điều tra. Khác với ông Bùi Hữu Nghĩa xưa kia có thù với quan trên nên bị hãm hại, gia đình anh Nguyễn Thanh Chấn chẳng thù hằn với ai, hàng xóm đánh giá anh “hiền như đất”. Khi anh bị xử chung thân về tội giết người, một cụ già hàng xóm còn khăng khăng rằng “ai chứ nòi nhà ấy không bao giờ làm ác được”.

Tai vạ từ trên trời rơi xuống khi một ngày trung tuần tháng 8 năm 2003, cô hàng xóm đơn thân bị một kẻ gian lén vào nhà giết để cướp của. Cơ quan công an tỉnh Bắc Giang làm việc vô cùng tắc trách khi chỉ căn cứ vào một vết chân để lại ở hiện trường để đổ vấy tội giết người cho anh Chấn. “So sánh và đối chứng với kết quả xác định dấu chân của Nguyễn Thanh Chấn thuộc diện nghi vấn, về kích thước cơ học của hai dấu bàn chân bên phải và bên trái gần đúng kích thước những dấu vết để lại tại hiện trường của vụ án mạng đêm 15/8/2003”. Nghe như chuyện hài hước vậy. Họ bắt anh rồi dùng nhục hình bức cung, đau quá anh phải nhận bừa. Viện kiểm sát rồi Tòa án cũng làm việc vô cùng tắc trách khi chỉ căn cứ hồ sơ bên công an chuyên sang, phán xử anh Chấn tội hiếp dâm, giết người. Cũng may anh là con liệt sỹ nên được tha án tử hình mà chuyển thành chung thân, nếu không có lẽ giờ này anh đã ôm hận dưới ba tấc đất từ lâu rồi.

Người vợ tảo tần của anh đã lặn lội mang đơn đi các cửa. Nhưng có lẽ thói quan liêu trong bộ máy hành chính của ta quá nặng nên đơn của chị nằm mốc trên bàn các cơ quan công quyền. Thời gian cứ đằng đẵng trôi qua trong vô vọng, gia đình lâm vào cảnh tan đàn xẻ nghé. Các con chị phải bỏ học vì bị kỳ thị, gia đình chị nợ nần chồng chất vì chị phải đi vay mượn tới 170 triệu đồng để lấy kinh phí đi minh oan cho chồng. Đơn hàng ngàn cái gửi đi hết cửa nợ đến cửa kia chỉ như hòn đá ném ao bèo, chị phải “điều tra hộ” cơ quan công an để tìm ra thủ phạm đích thực minh oan cho chồng. Chấp nối từ những nghi vấn, để cuối cùng chị tìm ra hung thủ

đích thực của vụ án mạng là Lý Nguyễn Chung - một kẻ hàng xóm, sau khi gây án đã trốn biệt lên tận Đăk Lắc. Có chứng cứ rồi, chị phải dò tìm địa chỉ hiện tại của Chung, rồi gửi liền một lúc 12 cái đơn lên các cơ quan chức năng tố cáo tội ác của Lý Nguyễn Chung cũng như đưa ra bằng chứng chứng minh Chung chính là hung thủ thật sự của vụ án.

Cũng may mà mọi nỗ lực của chị đã được đền đáp, cuối cùng thì hung thủ thật cũng bị bắt và chồng chị được trả tự do. Khi xưa không thấy sử sách ghi bà Nguyễn Thị Tồn vợ ông Bùi Hữu Nghĩa phải chịu bao nhiêu tổn thất khi mình oan được cho chồng, chứ với chị Nguyễn Thị Chiến thì cái giá chị phải trả để đổi lấy sự thật sao mà đắt đến thế: Ngoài tổn thất tiền bạc, con phải nghỉ học, bản thân chị vì quá uất ức căng thẳng nên bị mắc bệnh đau thần kinh, đã phải nhiều lần đi điều trị ở Bệnh viện tâm thần Trung ương. Có lần đi tiếp tế cho chồng, chị đã bị tai nạn phải khâu 2 miếng to ở đùi, còn con gái chị thì ngất lịm đi. Đến người mẹ già của anh Chấn – người ở vậy từ năm anh Chấn mới lên 3 tuổi, cũng phải đi bán cà pháo để đỡ đàn cho gia đình.



Vợ chồng ông Chấn ngày đoàn tụ

Hai vụ án ở 2 thế kỷ khác nhau đều có chung một cái kết có hậu là người vô tội được minh oan. Hai người phụ nữ thật đáng trân trọng vô cùng. Hai người phụ nữ này tuy sống khác thời đại nhưng đều là những người phụ nữ kiên cường, yêu chồng thương con sâu sắc, sẵn sàng hy sinh vì chồng con. Đó là những người phụ nữ hết lòng vì chồng con mà thế hệ trẻ chúng ta phải học tập. Tôi thấy tự hào vì những người phụ nữ Việt Nam như thế!

Bên cạnh đó, ngày nay người phụ nữ may mắn sống trong thời đại khoa học kỹ thuật tiên bộ, thời đại mà lễ giáo phong kiến không còn hà khắc nữa. Người phụ nữ có điều kiện phát huy tài năng của mình cùng chồng xây dựng một gia đình hạnh phúc, xây dựng một sự nghiệp vững vàng. Tuy nhiên, hiện nay cũng có một số ít phụ nữ đáng phê phán, họ từ chối quyền làm mẹ, làm vợ, bỏ chồng, bỏ con để chạy theo tiền tài, vật chất. Hàng ngày trên các báo đều có đăng tin: Chồng từ vợ hoặc nhắn về, trẻ thơ nhớ mẹ, cha mẹ từ hoặc tìm con cái với lời lẽ thương tâm chứng tỏ hạnh phúc gia đình đổ vỡ. Thỉnh thoảng lại xảy ra cảnh đau lòng trong các nhà bảo sanh, giữa chồng và sản phụ, trước “sản phẩm sơ sinh vừa lọt lòng” là minh chứng cho sự phản bội tình phu thê. Một bậc nữ lưu tiền bối đã nêu gương hiếu kính cha mẹ, giữ tròn đạo nghĩa với chồng, con mà ít được người sau noi dấu. Trong khi đó, những tài tử màn ảnh, nữ nghệ sĩ, ca kịch, vũ nữ... lại được nhắc nhở, hàng ngày ca tụng và một vài người lại được suy tôn làm “Thần tượng” chỉ vì có lối sống thác loạn. Thực trạng đau lòng đó gieo vào lòng chúng ta một mối lo âu. Đó là vấn đề chúng ta cần phải quan tâm, cần có biện pháp giải quyết. Mà việc đầu tiên là chúng ta cần phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục truyền thống tốt đẹp của người xưa, nhất là tình cảm vợ chồng gắn bó, hy sinh cho nhau tiêu biểu như nhân vật bà Nguyễn Thị Tồn và Bùi Hữu Nghĩa cho thế hệ ngày nay học hỏi noi theo.

Từ hình ảnh của bà Nguyễn Thị Tồn minh oan cho chồng ở thế kỷ XIX đến hình ảnh của bà Nguyễn Thị Chiến - ngay trong thời đại chúng ta, minh oan cho chồng là ông Nguyễn Thanh Chấn đã để lại trong lòng tôi những giá trị nhân văn

cao đẹp.

4. Tiếng Trống Đăng Văn hay chính là tiếng lòng của người phụ nữ “Muôn dặm vì chồng” - Một biểu tượng công lý.

Trống Đăng Văn là biểu hiện sự nghiêm minh của công lí. Đồng thời trống Đăng Văn thể hiện được tính dân chủ. Tiếng kêu của trống là tiếng kêu của dân đến tận tai nhà vua. Không phải tiếng kêu ấy chỉ để nghe, để thấy, mà điều quan trọng bậc nhất là được thực hiện ngay. Tiếng trống Đăng Văn của bà Nguyễn Thị Tồn đã mở ra một trang sử đẹp. Bà vừa gióng lên ba hồi kích cổ đăng văn thì tờ đơn của bà đã được một viên quan chạy ra thu nhận và dâng lên nhà vua duyệt lãm. Chính vua Tự Đức đã xét lại bản án Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, giao cho Tam Pháp ty nghị án, sau cùng nhà vua phê lời chung thẩm: Tha tội tử hình, song phải *quân tiền hiệu lực*, lập công chuộc tội. Bà Từ Dũ (hoàng Thái hậu mẹ vua Tự Đức), lúc bấy giờ đang ở trong hoàng thành, nghe tin sự cố, lấy làm thương cảm một liệt phụ đồng hương Miền Nam, bèn sai mời bà Bùi Hữu Nghĩa vào cung, hỏi thăm, an ủi và ban tặng một tấm biển chạm nổi bốn chữ vàng “*Liệt Phụ Khả Gia*”. Nhờ vợ biết tìm đường kêu oan nên tri phủ Bùi Hữu Nghĩa thoát khỏi án tử hình, chỉ bị sung vào quân đội để có dịp đái tội lập công. Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ vào tay thực dân Pháp, nhà vua Việt Nam không còn thực quyền để giải oan cho dân nữa, nên tiếng trống Đăng Văn không còn và cả Tam Pháp ty cũng bị giải thể. Về sau khi Đồng Khánh lên ngôi vua (tháng 9 năm 1885) muốn phục hồi một truyền thống tốt đẹp của các tiên đế, nên đã vận động để Tam Pháp ty và tiếng trống Đăng Văn tái hoạt động. Nhưng mãi đến năm 1901 dưới triều Thành Thái (1889-1907) mới có kết quả, nhưng chỉ kéo dài đến năm 1906 thì hết hiệu lực. Cứu được chồng khỏi án tử hình, bà Nguyễn Thị Tồn từ giã kinh đô Phú Xuân xuôi ghe về Miền Nam. Có lẽ vì quá lao tâm và vất vả thân xác một thời gian dài, nên chẳng bao lâu sau ngày hồi hương, bà thọ bệnh và mất tại nhà thân mẫu của mình ở Biên Hòa khi chưa gặp lại chồng đang đóng quân ở một tiền đồn vùng Châu Đốc. Khi hay tin vợ qua đời, Ông Bùi Hữu Nghĩa vội vàng xin phép về nhà thì mọi việc tống táng đã hoàn tất. Ông

chỉ còn biết sục sùi đọc một bài văn tế trước mộ chí, với những lời thông thiết, mô tả nỗi truân chuyên của người vợ đảm đang của mình:

*Nơi kinh quốc, mấy hồi trống gióng, biện bạch này oan, nợ ỨC,
Đáng hiền lương mắt thấy thấy đau lòng!
Chốn tỉnh đường, một tiếng thét vang, hấn hồi lễ chánh, lời nghiêm,
Lũ băng đảng tai nghe đều mất vía!*

Ở trong nhà, trên đôi câu liễn cạnh bàn thờ vợ, ông viết:

*Ngã bản khanh năng trợ,
Ngã oan, khanh năng minh,
Triều dã giai xưng khanh thị phụ!
Khanh bệnh ngã bất dược.
Khanh tử, ngã bất táng,
Giang sơn ỨNG TIỂU NGÃ PHI PHU!*

Nghĩa là:

*Ta nghèo mình hay giúp đỡ,
Ta tội, mình biết kêu oan,
Trong triều ngoài quận đều khen mình mới thật là đáng vợ.
Mình bệnh ta không thuốc thang,
Mình chết ta không mai táng,
Non sông cùng cười ta chẳng xứng gọi là chồng!*

Tôi có dịp về thăm Trà Vinh giữa mùa phượng nở, rực rỡ một màu tươi thắm. Dòng sông Hậu, nước mênh mông, điểm từng mảng lục bình lững lờ trôi xa. Nhiều con đò với mái chèo nhịp nhàng lướt nhanh trên sóng nước bập bênh, như đang đi vào một thế giới hoa trái phong phú của Miền Nam phồn vinh muôn thuở. Trên từng thửa ruộng xanh xắn, mạ non đang vươn lên để mau chóng trở thành lúa xanh thời cô gái dậy thì, hứa hẹn một mùa nặng trĩu hạt vàng khi ngày mùa đến với từng xóm làng thân yêu. Không xa từng nếp nhà là luồng lạch, kênh dòng và nhánh rẽ từng con sông, chứa nhiều cá tôm, bốn mùa bồi dưỡng sinh chất tươi mát cho

người nông dân. Chợt nghe có tiếng hát cất lên từ một chiếc thuyền câu nhỏ nhỏ:

Con cá Trà Vinh xanh kỳ đở dạ,

Con gái xứ này không lang chạ đâu anh...

Câu ca dao vô tình làm tôi nhớ về một người phụ nữ Miền Nam, quê ở Trà Vinh, đã thể hiện một đức tính can trường hiếm có, khi phải đương đầu với bọn tham nhũng địa phương, rồi lặn lội ra tận kinh đô Phú Xuân, gióng lên ba hồi *kích cổ dǎng vǎn* để giải oan cho chồng là quan tri phủ Bùi Hữu Nghĩa. Ba hồi trống *Dǎng Vǎn* của bà Nguyễn Thị Tồn đã vang động kinh đô Phú Xuân, đồng thời cũng dệt nên thiên tình sử nặng nghĩa phu thê.

Từ con người hồn hậu, chất phác, đến ý chí bất khuất thủy chung, Bà Nguyễn Thị Tồn đã để lại tiếng trống ngậm ngùi trong lịch sử. Và đích thực, ***tiếng trống Dǎng Vǎn ngày xưa ấy, chính là tiếng nói của dân oan.*** Một tiếng nói hùng tráng vọng lại từ quá khứ, rất đằm thắm và cũng rất đổi tự hào.

Chim sa vườn thị,

Thỏ luy vườn trâm,

Nhớ thương tiếng nói trăm năm vẫn còn.

IV. Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ ĐỂ HÌNH ẢNH, NGÔI NHÀ BÀ ĐÃ TỪNG SINH SỐNG CÒN MÃI VỚI THỜI GIAN - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Có thể nói rằng, trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, Đồng Nai luôn là một phần đất thiêng liêng của Việt Nam, là vùng đất sản sinh ra nhiều vị anh hùng, danh nhân, danh sĩ như: Thi tướng Chiến khu xanh - Huỳnh Văn Nghệ, Đoàn Văn Cự, Đào Trí Phú, nhà văn Lý Văn Sâm, Bình Nguyên Lộc... có đóng góp to lớn, xuất sắc trong một hoặc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội (quân sự, văn hóa, chính trị...) mà tên tuổi và sự nghiệp đã được sử sách ghi công, nhân dân tôn thờ. Trong lịch sử, các danh nhân được đề cao bằng các hình thức khác nhau như lập đền, miếu thờ phụng, được ban sắc, phong thần, được nêu trong sách sử, trên bia ký...

Di tích về danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử gắn liền với những nhân vật lịch sử cụ thể. Việc phát huy giá trị của các di tích ấy có vai trò quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, là sự tri ân đối với bậc tiền nhân đã làm rạng danh vùng đất, góp phần xây dựng một Đồng Nai văn minh, giàu đẹp “liền mạch” từ trong quá khứ, tới hiện tại và tương lai.

1. Thực trạng việc bảo tồn, lưu giữ những kỷ vật, ngôi nhà của người phụ nữ “Liệt phụ khả gia”.

Đây là nơi lưu niệm về một nhân vật lịch sử bà Nguyễn Thị Tồn người phụ nữ đã làm rạng danh xứ Đồng Nai, bằng một hành động can trường, quả cảm một mình liều thác ra tận Đế đô minh oan cho chồng.

Tuy nhiên hiện nay ngôi nhà bà Tồn sinh ra và lớn lên, nơi lưu giữ những kỷ niệm về con người và cuộc đời bà không còn. Những kỷ vật gắn với con người và cuộc đời bà cũng không lưu giữ được.

Một số sự kiện lịch sử liên quan đến bà Tồn như chi tiết bà được Hoàng Thái Hậu Từ Dũ phong cho bà bốn chữ vàng “Liệt Phụ Khả Gia” chưa có một sử liệu chính qui nào ghi chú cụ thể mà chỉ được truyền miệng trong dân gian và một số sách xuất bản ở địa phương ghi chép lại.

Xung quanh cái chết của bà Nguyễn Thị Tồn hiện nay vẫn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau. Có người nói: “khi bà Tồn ra Huế minh oan cho ông Thủ khoa Nghĩa, bà quá giang ghe bầu, bị người lái ghe là Ba Nài làm bức. Vì vậy, khi đi minh oan ở tòa Tam Pháp về được ít lâu, bà tự ả chết. Và cũng vì lẽ đó, sau này hễ ai hiếp đáp đàn bà, con gái, người ta đều gọi là Ba Nài”.

Theo ông Huệ Tâm tác giả bài “Thủ khoa Nghĩa khóc vợ”, đăng ở báo Đuốc nhà Nam, số 11, ra ngày 13/12/1935 nói “nhờ bà ra tận đế đô minh oan cho chồng, nhờ vậy mà ông Bùi Hữu Nghĩa mới được tha về. Thử ấy, đường đi trong Nam ra tới ngoài miền Trung lấy làm gầy go hiểm trở, vì thế bà phải quá giang ghe bầu một người bạn của chồng làm quan trong Nam có việc về kinh. Giữa đường ông bạn trở lòng làm bức. Bà hết sức van xin với ông để được trọn tiết nghĩa. Nhưng lạ gì dịp

may hiểm có của con người lợi dụng. Bà hết sức đau lòng muốn chết quách cho xong, nhưng nghĩ lại thương chồng còn ở chốn ngục hình, lao khổ. Bà nghĩ thế nên không đành lòng tự tử, ra tận triều đình minh oan cho chồng khỏi vòng lao lý. Khi chồng khỏi tội, về tới nhà, bà nghĩ hộ mình, ra sau vườn treo mình tự tử”.

Nhưng theo ông Nguyễn Văn Nghĩ, trong tác phẩm “Lịch sử văn chương cụ Thủ khoa và con là Bùi Hữu Tú”, xuất bản 1936 thì hai câu đối khóc vợ của cụ Thủ khoa làm khi bà Nguyễn Thị Tồn mất cho thấy bà Tồn chết vì bệnh, chứ không phải tự tử. Có tài liệu cho rằng, thi hài bà Tồn được chôn ở thôn Tân Vạn, tổng Chánh Mỹ Thượng. Việc truy tìm mộ phần của bà Nguyễn Thị Tồn, cho đến nay, người ta vẫn chưa tìm ra, dù trước đó, có các học giả: Nguyễn Văn Nghĩ, Đào Văn Hội, Bảo Định Giang, Huỳnh Ngọc Trảng...có dày công đi tìm, nhưng vẫn không có kết quả gì khả quan. Theo ông Huỳnh Văn Sao cháu nhiều đời của bà Huỳnh Thị Đáp, hồi nhỏ ông có nghe ông nội kể lại rằng bà Tồn sau khi minh oan cho chồng trở về bằng đường bộ, dọc đường bị bọn gian thần theo ám hại, bà chết dọc đường, không tìm thấy xác. Theo ông Nguyễn Trí Dạng và ông Nguyễn Trí Lợi cháu nhiều đời của bà Tồn, khi còn bé đi tảo mộ cùng những người lớn trong gia đình có chỉ mộ của bà Tồn nằm gần mộ của ông Nguyễn Lý chôn ở Dốc Núi, phường Bửu Hòa, Tp Biên Hòa, sau khi xây dựng trường Trần Văn Ôn, gia đình ông bốc mộ bà Tồn về phường Tân Vạn, Tp Biên Hòa.

Trong bài viết nhỏ này, tôi xin đưa ra một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của nhân vật lịch sử để góp tiếng nói chung vào quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai văn minh, giàu đẹp.

2. Góp ý kiến kiến nghị

Di tích lịch sử - văn hóa, mà cụ thể là di tích lưu niệm nhân vật lịch sử là một không gian ẩn chứa nhiều giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Điều 4, *Luật Di sản Văn hóa* có ghi: “Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan; có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng...”. Theo đó, nội dung trên các văn

bia, văn chuông, thần tích, thần phả, sắc phong... được lưu giữ ở các di tích đều có giá trị rất quý giá. Những câu chuyện, truyền thuyết, những áng văn thơ, tác phẩm văn chương, những công trình nghiên cứu khoa học, lịch sử... đều giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cuộc đời và sự nghiệp của các danh nhân địa phương. Xác định rõ những giá trị phi vật thể gắn danh nhân sẽ giúp chúng ta xác định đúng đắn định hướng nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị.

Để nơi lưu niệm Bà Nguyễn Thị Tồn được bảo lưu và chuyển giao qua nhiều thế hệ mai sau, có một số giải pháp như:

2.1. Để tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với ngôi nhà thờ Bà, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý di tích - danh thắng Đồng Nai cần có những đề xuất cụ thể về biện pháp quản lý phù hợp đối với ngôi nhà bà. Cần xây dựng một cơ chế quản lý phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành và với cộng đồng cư dân nơi di tích tồn tại. Đặc biệt chú ý đến vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ, phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của ngôi nhà Bà Nguyễn Thị Tồn từng sinh sống.

2.2. Cần lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích đối với ngôi nhà bà Tồn. Lập hồ sơ xếp hạng di tích phải được thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 11/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

2.3. Hồ sơ cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ. Thiết nghĩ chúng ta nên tổ chức một cuộc hội thảo khoa học về bà Nguyễn Thị Tồn; tập hợp tư liệu xuất bản thành sách, xây dựng những vở kịch, vở cải lương nói về cuộc đời bà Tồn để nêu gương cho hậu thế, nhất là giáo dục truyền thống đạo đức của người xưa cho thế hệ trẻ. Về vấn đề này, vào năm 1990 Đài Truyền Hình TPHCM đã sản xuất vở cải

lượng “Muôn dặm vì chồng” của tác giả Ngọc Linh. “Muôn dặm vì chồng” được xây dựng từ một câu chuyện có thật trong lịch sử. Quan tri phủ Trà Giang (tỉnh Vĩnh Long) là Bùi Hữu Nghĩa vì muốn bảo vệ nhân dân vùng kinh Láng Thè khỏi bị cướp đoạt, áp bức dã man nên đã bị bọn quan lại ở vùng này bắt giam, sau đó tâu man lên vua Tự Đức và bị khép tội tử hình. Phu nhân của ông là bà Nguyễn Thị Tồn, để minh oan cho chồng, đã lặn lội ra tận đế kinh giống trống ở tam tòa, hầu trình được nổi oan khuất lên thánh thượng... “Muôn dặm vì chồng”, trước hết, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Trong thời đại ngày nay chúng ta cần phát huy hơn nữa, xây dựng những tác phẩm như vậy để góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ học tập, noi gương.

2.4. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhân dân về phẩm chất cao đẹp của bà Nguyễn Thị Tồn, những sự kiện có liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt chú ý tới các phương tiện thông tin đại chúng.* Hiện nay trên Đài phát thanh và truyền hình Đồng Nai, báo Đồng Nai, một số website như: website tỉnh Đồng Nai: <http://dongnai.gov.vn>; website Thư viện tỉnh: <http://thuviendongnai.gov.vn>; website Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai: <https://dost-dongnai.gov.vn>; website Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: <http://svhttdl.dongnai.gov.vn>; website Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai: <http://disandongnai.com>. Lòng ghép vào Hội thi “Tìm hiểu giá trị Văn hóa - Lịch sử Đồng Nai” hàng năm được độc giả quan tâm, hưởng ứng.

2.5. *Tăng cường việc giáo dục phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của nhân vật lịch sử, trước hết là nhằm vào tuổi trẻ học đường.* Theo thống kê, hiện nay Đồng Nai có 300 trường tiểu học, 173 trường trung học cơ sở, 66 trường trung học phổ thông, 15 trường trung cấp chuyên nghiệp, 08 trường cao đẳng, 04 trường đại học. Số lượng học sinh, sinh viên đang học tập, nghiên cứu tại Đồng Nai sẽ là nguồn công chúng tiềm năng để chúng ta có thể khai thác phát huy giá trị của các nhân vật lịch sử như bà Nguyễn Thị Tồn trong việc giảng dạy, giáo dục truyền thống cho thế

hệ trẻ. Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ban hành Chỉ thị “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013 trong đó có nêu rõ: “...*Học sinh tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng ở địa phương: Mỗi trường đều nhận chăm sóc một di tích lịch sử, văn hóa hoặc di tích cách mạng ở địa phương, góp phần làm cho di tích ngày một sạch đẹp hơn, hấp dẫn hơn, giới thiệu các công trình, di tích của địa phương với bạn bè; Mỗi trường có kế hoạch và tổ chức giáo dục truyền thống dân tộc, văn hóa và tinh thần cách mạng một cách hiệu quả cho tất cả học sinh; phối hợp với chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hóa và cách mạng cho cuộc sống của cộng đồng ở địa phương và khách du lịch...*”. Đây là điều kiện thuận lợi để chúng ta có thể phối hợp trong bảo tồn và phát huy giá trị cũng như giáo dục truyền thống tốt đẹp của các nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa cho học sinh các trường phổ thông trên địa bàn Đồng Nai.

Để làm được việc này ngành Văn hoá cần tiếp tục kết hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo Đồng Nai trong chương trình giáo dục về lịch sử, văn hoá Đồng Nai, về những con người đã làm rạng danh vùng đất Đồng Nai trong 316 năm hình thành và phát triển. Ở các trường học phải phối hợp với Đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong xây dựng kế hoạch trong từng năm học tổ chức cho học sinh tham quan nơi thờ Bà Nguyễn Thị Tồn hay đưa các em đến thăm quan thực tế tại bảo tàng và có những bài thuyết minh về Bà. Để qua những giờ ngoại khóa như thế, bằng những hiện vật cụ thể, các thế hệ trẻ có thể học hỏi, phấn đấu vươn lên trong các lĩnh vực trong cuộc sống, bồi đắp cho các em tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về những con người của đất Đồng Nai.



Bức tranh miêu tả cảnh bà Tôn đánh trống kêu oan cho chồng.
Hình tác giả chụp tại bảo tàng Đồng Nai tháng 11/2014.

2.6. Xây dựng kết nối tuyến du lịch di tích lịch sử văn hóa với nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa.

Để mối quan hệ giữa di tích lịch sử văn hóa và nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa không mâu thuẫn mà tương sinh, tương hỗ lẫn nhau, chúng ta cần quan tâm đến thái độ ứng xử với di tích trong quá trình khai thác di sản phục vụ du lịch và ngược lại; khai thác, tận dụng có hiệu quả và hấp dẫn hơn tài nguyên du lịch di tích lịch sử văn hóa gắn với nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa của tỉnh; giải quyết hài hòa giữa quy hoạch bảo tồn di tích và quy hoạch phát triển du lịch, kết hợp với việc xây dựng, kết nối các điểm du lịch với di tích lịch sử - văn hóa trong đó có di tích lưu niệm nhân vật lịch sử.

- Xây dựng các tuyến du lịch di sản trong tỉnh. Ví dụ như: Xây dựng tuyến du lịch văn hóa, lịch sử và nhân vật lịch sử như: Di tích Chùa Ông - khu lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh - ngôi nhà Bà Nguyễn Thị Tôn. Tất cả đều nằm bên Cù Lao Phố như những câu thơ của thi sĩ Xuân Sách:

“Phải giận hờn mà sông chia hai ngã

Đi chưa xa, thương nhớ lại chung đồng

Rồi để lại hồn Cù Lao êm ả

Nằm xoải dài giữa hai cánh tay sông”

để tham quan, nghiên cứu, học tập và ngưỡng vọng những người con anh hùng hào kiệt của quê hương Đồng Nai.

2.7. *Tổ chức sưu tầm và xây dựng các bộ sưu tập hiện vật, tài liệu, hình ảnh về cuộc đời và con người Bà tổ chức trưng bày các bộ sưu tập đó trong Bảo tàng tỉnh với không gian và nghệ thuật trưng bày thỏa đáng.*



Cái cối bà Nguyễn Thị Tồn mua từ Huế mang vào.
Hình tác giả chụp tại ngôi nhà Bà tháng 11/2014

2.8. *Bà là niềm tự hào của của những người phụ nữ Việt Nam đức hạnh. Chúng ta nên lấy kinh phí từ nguồn xã hội hóa và xây dựng khu mộ Bà bên sông Đồng Nai và khắc bên cạnh những tảng đá lớn để bên cạnh mộ câu liễn của Bùi Hữu Nghĩa và lời ban tặng “Liệt phụ khả gia” của bà Từ Dũ. Và đó sẽ là nơi con cháu, du khách đến viếng Bà.*

2.9. *Theo bản đồ lồng ghép qui hoạch phường Bửu Hòa theo quyết định số: 247/QĐ.CT.UBT ngày 18/1/2001 của UBND tỉnh Đồng Nai thì toàn bộ khu đất của gia đình dòng họ bà Nguyễn Thị Tồn nằm dọc bờ sông Đồng Nai sẽ qui hoạch làm*

công viên bờ sông. Con đường mòn ven sông ở phía sau khu đất đồng tộc nhà bà Nguyễn Thị Tồn cũng nằm trong qui hoạch mở đường. Theo dự án này chúng ta nên đề xuất với UBND tỉnh xây dựng một tượng đài về bà Nguyễn Thị Tồn, và con đường sẽ mang tên Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Thiết nghĩ, Ròng vàng Bùi Hữu Nghĩa và “Liệt nữ Nguyễn Thị Tồn” đáng được lưu danh trên đất phật địa Biên Hùng để thế hệ chúng ta sẽ mãi ghi nhớ đức hạnh người xưa. Nơi này sẽ ghi dấu mãi một gương sáng về lòng kiên trung, quả cảm gan dạ cứu chồng, một tình yêu son sắt, vẹn toàn của người liệt phụ với một trong bốn Ròng Vàng của đất Đồng Nai.

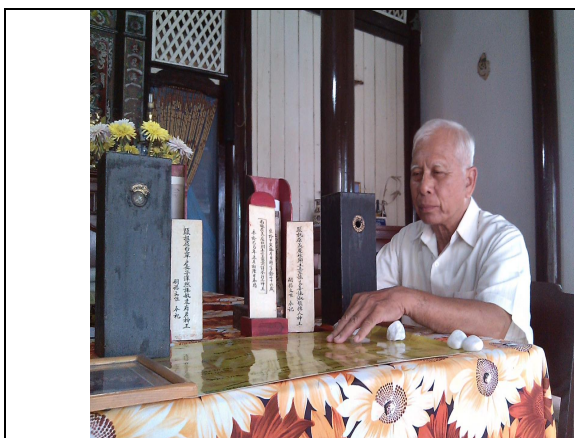
VI. KẾT LUẬN

Khi tôi viết những dòng cảm nhận về người phụ nữ làm rạng danh vùng đất Đồng Nai trong khung cảnh cái se se lạnh của mùa thu. Trong đầu lại miên man phảng phất bao suy nghĩ...giống như mình đang được sống trong bối cảnh, những năm mà Bà Nguyễn Thị Tồn đang sống rồi bỗng dung con người mình như hòa nhịp, trở về nơi tràn đầy những điều hay trong cuộc sống - vẻ đẹp tâm hồn, giá trị nhân văn cao cả của người phụ nữ Việt Nam mà tôi hằng kính yêu!

Có thể cho tôi mạn phép so sánh rằng: Vùng đất Đồng Nai đã sinh ra một người phụ nữ trung trinh tiết liệt như Nguyễn Thị Tồn và chính Bà đã làm rạng danh vùng đất Đồng Nai. Để phát huy giá trị nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ về vẻ đẹp tâm hồn, cốt cách của người phụ nữ Việt Nam nói chung, từ đó nâng cao thêm niềm tự hào và thúc đẩy phong trào thi đua xây dựng một Đồng Nai văn minh giàu đẹp cả trong ý nghĩ và hành động - cũng để những nhân vật lịch sử “*tiềm năng*” sống mãi cùng thời gian đòi hỏi phải có cái tâm, cái tầm của nhà quản lý và sự ghi nhận của xã hội nói chung. Mỗi hình thức lưu niệm đều là một phương thức lưu giữ, tri ân công ơn của các bậc tiền nhân, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Thiết nghĩ rằng, đây không chỉ là trách nhiệm của một ngành, một địa phương mà cần có sự chung tay cả cộng đồng và toàn xã hội. Bởi, tôn vinh nét đẹp của nhân vật lịch sử, danh nhân - văn hóa là một nét đẹp trong đạo đức truyền thống

của con người Việt Nam. Nó gợi lên truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, một sức mạnh cố kết cộng đồng từ gia đình, làng xã đến đất nước, là biểu hiện một mặt bản sắc của văn hóa Việt Nam!

PHỤ LỤC: ĐỐI THOẠI NGƯỜI ĐANG SỐNG



Ông Nguyễn Trí Lợi – Châu 6 đời

Tác giả: Có ý kiến cho rằng bà Tôn từ kinh đô Huế về thì lâm bệnh chết ở đất khách quê người. Có người lại đồn rằng bà chết dọc đường không phải vì bệnh, mà vì bị tay chân của tên tổng đốc và bộ chánh kia thù ghét bà đã giám tố giác chúng nên chặn đường giết. Ông nghĩ như thế nào?

Ông Lợi: “Sự thật thế nào tôi không biết, nhưng rõ ràng bà được chôn cất ở quê nhà”. Ông Lợi dẫn tôi ra một góc vườn bên mấy chậu kiểng có chiếc cối đá. Ông nói: “Chính cái cối đá này Bà đã mang từ Huế vô để làm quà cho gia đình. Nếu Bà mất dọc đường làm sao đem cái cối ấy về đây?”.

Tác giả: Xin ông cho biết trước đây cháu có nghe nói phần mộ của bà chưa tìm thấy và còn nhiều bí ẩn chưa giải thích được. Ông có thể chia sẻ thêm về vấn đề này?

Ông Lợi: Mộ của bà Tôn đã tìm thấy và được ông bốc khỏi nghĩa trang làng Mỹ Khánh rồi. Nguyên do là cách đây mấy năm người ta đòi giải tỏa nghĩa trang xây dựng trường học. Tôi hỏi: “Người ta ấy có biết tại nghĩa trang có mộ người đàn bà rất đáng kính trọng ấy không”. Ông Lợi thú nhận: “Họ không biết mà tôi cũng không nói cho họ biết. Tôi nghĩ nếu hỏi ý bà chắc bà sẽ nói: “Mộ bà chôn ở đâu chẳng được, dành đất xây trường học thì luôn hợp ý tổ tiên. Chúng tôi nghĩ thế, tin thế, nên đã quyết định trước khi giải tỏa một năm đã lạng lẽ bốc mộ bà đi nơi khác”.

Tôi hỏi: “nơi nào?”. Ông Lợi nói: “Chỉ mình tôi biết. Tôi không muốn cho ai khác biết”.

Tác giả: Tâm nguyện của ông để những hình ảnh và những kỷ vật về Bà “sống” mãi cùng thời gian?

Ông Lợi: Tôi có một ước muốn rằng, sắp tới đây tôi sẽ đưa mộ bà về mảnh đất bên sông này, nơi bà đã sinh ra và cũng là nơi bà gặp Bùi Hữu Nghĩa. Tỉnh Cần Thơ cử nhiều đoàn đến đây đề nghị rước mộ bà về bên mộ ông thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Tôi nghĩ, vợ chồng bên nhau thì ấm êm thật. Nhưng bà đi, thì còn gì nữa

cho quê hương Biên Hòa, Đồng Nai này? Còn gì nữa cho vợ chồng chúng tôi? Chúng tôi quyết chí xây lại mộ bà ở đây - sẽ làm tượng bà, sẽ đặt cái cối đá trước mộ thay cho lu nhang. Và đó sẽ là nơi con cháu, du khách đến viếng bà.

Và nỗi niềm còn bỏ ngõ?

Ông Lợi nói: “Con cháu bà hiện giờ không ai giàu có cả. Tôi cũng chưa biết kiếm đâu ra số tiền hàng trăm triệu để thực hiện ước mơ này....

Nhìn ra dòng sông Đồng Nai êm đềm trôi, ông Lợi lặng buồn: “Hồi nhỏ tôi còn thấy treo giữa nhà cái bảng sơn son thiếp vàng với 4 chữ “Liệt phụ khả gia” của bà Từ Dũ và treo trên hai hàng cột đôi liễn thơ của ông Bùi Hữu Nghĩa viếng vợ. Trận lụt năm Thìn năm 1952, nước sông Đồng Nai dâng cao đã cuốn trôi tất cả”. ông Lợi và tôi đến bên bên nước, con thuyền nhỏ sóng đánh dập dềnh chúng tôi cùng nhìn ra sông như tìm ở đâu đó trong dòng sông kia câu thơ...

“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu
Chòm xóm đều khen mình đáng vợ”.

PHỤ LỤC MỘT SỐ HÌNH ẢNH



Ngôi nhà Bà Nguyễn Thị Tôn đã sinh sống tại Bửu Hòa, Biên Hòa.
Hình tác giả chụp tháng 11/2014



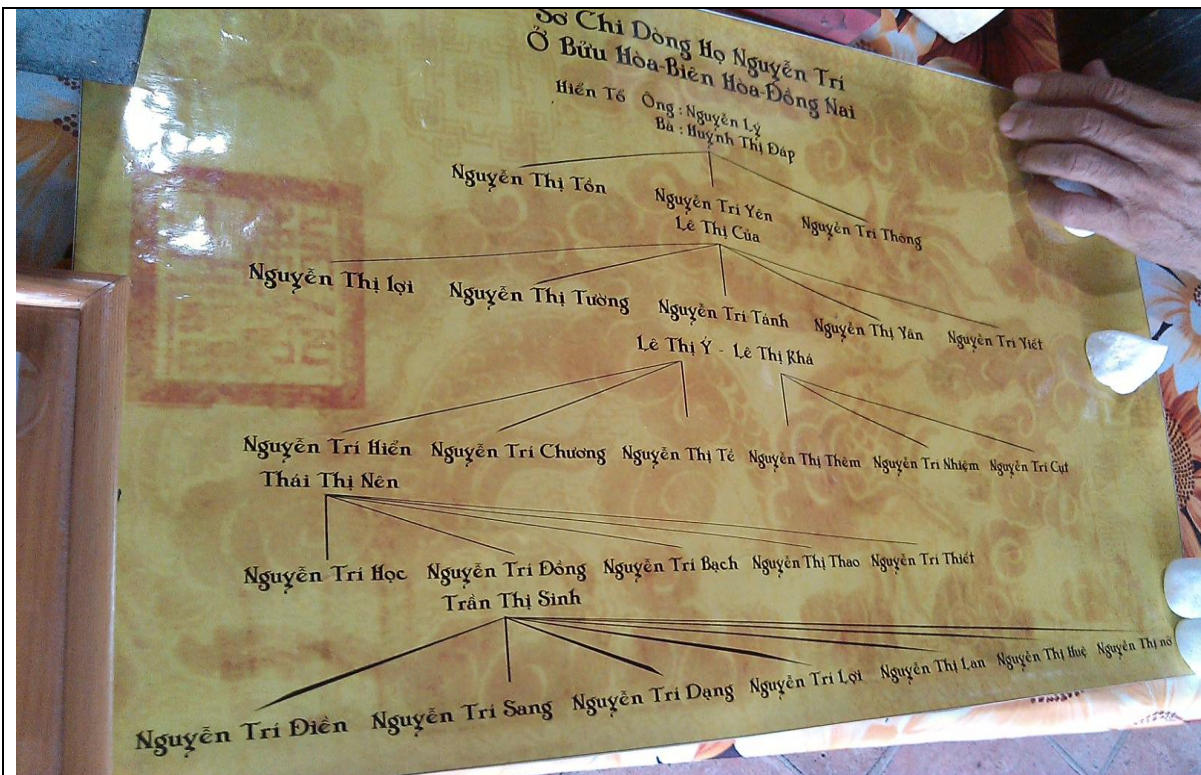
Khung cảnh bên trong ngôi nhà Bà. Hình tác giả chụp tháng 11/2014



Tác giả đang xem gia phả của dòng họ bà Nguyễn Thị Tồn. Tháng 11/2014.



Ông Nguyễn Trí Lợi đang tự hào kể về dòng họ. Hình tác giả chụp tháng 11/2014.



Gia phả ghi sơ chi dòng họ Nguyễn Thị Tôn.
 Hình tác giả chụp tháng 11/2014 do ông Nguyễn Trí Lợi cung cấp.



Tác giả đang nghe ông Lợi kể về Bà Nguyễn Thị Tôn



Bức tranh mô tả cảnh bà Nguyễn Thị Tồn đánh trống kêu oan cho chồng



Hình tác giả chụp tại ngôi nhà Bà Nguyễn Thị Tồn tháng 11/2014



Con đường mang tên Bà Nguyễn Thị Tôn và Bùi Hữu Nghĩa
tại Phường Bửu Hòa, Tp. Biên Hòa



Hình tác giả chụp tại con đường mang tên Bà Nguyễn Thị Tôn, tháng 11/2014

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách đã xuất bản:

1. Nhiều tác giả. *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. Nhà xuất bản Đồng Nai, 1998.
2. *Địa chí Đồng Nai, tập I Tổng quan, tập III Lịch sử và tập IV Kinh tế*. Nhà xuất bản Đồng Nai, 2001.
3. *Người Đồng Nai*. Nhiều tác giả, nhà xuất bản Đồng Nai.
4. *Bùi Hữu Nghĩa: Con người và tác phẩm*. Bảo Định Giang. Nhà xuất bản Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
5. *Bùi Hữu Nghĩa môi duyên vàng đá*. Hoài Anh. Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh, 1998.
6. *Bùi Hữu Nghĩa và Kim Thạch kỳ duyên*. Nguyễn Quyết Thắng phiên âm và khảo đính. Nhà xuất bản Văn học, 1993.
7. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872): nhân kỷ niệm lần thứ 180 ngày sinh và 115 năm ngày mất: Tổ chức vào ngày 20-21 tháng*

10 năm 1987. Nhà xuất bản Cần Thơ. Ban chủ nhiệm Đề tài nghiên cứu về nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa, 1992.

8. *Ký ức phụ nữ Miền Đông*. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Nhà xuất bản Đồng Nai.

9. *Những tư liệu lịch sử Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Năm 1998.

10. *Biên Hòa sử lược toàn biên - Quyển thứ 2: Biên Hòa oai dũng*. Lương Văn Lưu. Xuất bản năm 1972.

11. *Hỏi đáp về Biên Hòa Đồng Nai*. Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi. Nhà xuất bản Đồng Nai 2010.

12. *Việt Nam - Đồng Nai trăm năm nhìn lại*. Bảo tàng Đồng Nai (Trần Quang Toại, Phan Đình Dũng, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Hồng Ân, Nguyễn Thị Tuyết Hồng). Nhà xuất bản Đồng Nai 2002.

13. *Truyện kể về Đồng Nai đất nước con người*. Nguyễn Yên Tri. Nhà xuất bản giáo dục.

14. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh Đồng Nai. Hồ sơ tư liệu về Bà Nguyễn Thị Tồn.

15. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009.

16. Hồi ký, hồi cố của các nhân chứng lịch sử.

Báo, tạp chí:

1. *300 năm phụ nữ miền đất mới*. Trần Bạch Đằng. (trích từ báo Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh, ngày Xuân Mậu Dần 1998).

2. *Bùi Hữu Nghĩa: Danh nhân Miền Nam*. Bùi Hữu Giáp (trích từ *Phổ Thông*, ngày 1/10/1963).

3. *“Máy vấn đề về du lịch văn hóa”*. Vũ Thế Bình, Tạp chí Di sản Văn hóa, số

3 (21) - 2007.

4. *Báo Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh* - Chào xuân 2004.

Trang Website:

1. <http://vietnamdanden.blogspot.com/2014/10/anh-trong-keu-oan.html>.
2. <http://dongnai.vncgarden.com/tu-lieu-ve-con-nguoi-dhong-nai/nguoi-phu-nu-bien-hoa-danh-trong-keu-oan-o-cung-dinh-hue>.
3. <http://yume.vn/voicoicuckykute/article/van-hoa-lich-su-dong-nai-35CCE62C.htm>
4. Tailieu.vn.